



A. NỘI DUNG ÔN TẬP

PHẦN I: ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

I. Ngữ liệu đọc hiểu

Văn bản văn học: Văn bản văn học (Tùy bút, Tản văn, Truyện kí/ Văn nghị luận)

II. Văn bản văn học (Tùy bút, Tản văn, Truyện kí/ Văn nghị luận)

1. Một số đặc điểm của Tùy bút, Tản văn, Truyện kí

1.1. Tùy bút

- Tùy bút là văn xuôi trữ tình – một loại tác phẩm tự sự phi hư cấu.
- Ghi chép một cách tự do những suy nghĩ, cảm xúc mang màu sắc cá nhân của người viết về con người và sự việc. Vì thế, bài tùy bút thường thể hiện rất rõ cái “tôi” độc đáo, cũng như tâm hồn, tình cảm của tác giả.
- Ngôn ngữ của tùy bút thường rất giàu chất thơ.

1.2. Tản văn

- Tản văn – một loại tác phẩm gần với tùy bút, cũng là loại tác phẩm tự sự phi hư cấu, sử dụng kết hợp nhiều phương thức biểu đạt.
- Nội dung bài tản văn thường nêu lên các hiện tượng chân thực, gần gũi với cuộc sống nhưng giàu ý nghĩa xã hội. Thông qua nội dung ấy, người viết bộc lộ trực tiếp tình cảm, suy nghĩ mang đậm cá tính của mình.

*** Sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn**

- Với nhiệm vụ ghi chép sự thật của đời sống, từ đó bộc lộ những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người viết, cả tùy bút và tản văn đều cần có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình.
- Tự sự là kể lại sự việc (bối cảnh, nhân vật, quá trình, kết quả,...); trữ tình là bộc lộ trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc chủ quan của người viết trước con người và sự việc được nói tới.
- Tùy vào đề tài và mục đích bài viết mà tác giả kết hợp các yếu tố tự sự và trữ tình với những mức độ khác nhau. Nhưng nhìn chung, tùy bút sử dụng nhiều yếu tố trữ tình, còn tản văn dùng nhiều yếu tố tự sự.

1.3. Truyện kí

- Truyện kí là thể loại giao thoa giữa truyện và kí, trong đó, nhà văn dựa vào những con người và sự việc có thật, lựa chọn, sắp xếp và tổ chức thành câu chuyện hấp dẫn, làm nổi bật đối tượng được phản ánh bằng ngôn ngữ văn học. Truyện kí phát triển mạnh trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ do yêu cầu cổ vũ động

viên, ca ngợi người thật, việc thật... Những tác phẩm như *Sống như anh* (của Trần Đình Vân viết về anh hùng Nguyễn Văn Trỗi), *Người mẹ cầm súng* (của Nguyễn Thi viết về cuộc đời chị Út Tịch),... là những truyện kí tiêu biểu của thời kì chống Mỹ cứu nước.

- Sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu: Truyện kí chú trọng tính xác thực về con người và sự kiện,.. đồng thời sử dụng hư cấu với các chi tiết, tâm lí nhân vật, sự việc.... do nhà văn tưởng tượng ra khiến câu chuyện hiện lên vừa chân thực, khách quan vừa sinh động theo cách nhìn độc đáo của tác giả. Ví dụ: Truyện kí *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi dựa trên câu chuyện có thật về người phụ nữ Nam Bộ anh hùng trong thời kì chống Mỹ cứu nước là chị Nguyễn Thị Út. Trên cơ sở sự việc và con người có thật ấy, để câu chuyện sinh động, hấp dẫn hơn, Nguyễn Thi có những sáng tạo trong việc lựa chọn chi tiết, sắp xếp sự việc, tình huống, sử dụng lời kể, miêu tả tâm lí nhân vật,... Truyện kí *Vào chùa gặp lại* của Minh Chuyên cũng có sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu như vậy.

*** Lưu ý khi đọc Tùy bút, Tản văn, Truyện kí**

- Phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích và đánh giá chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

- Phân tích và đánh giá tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

- Nhận biết và phân tích một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

- So sánh hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc.

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

- Phân tích ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

2. Một số đặc điểm của Văn nghị luận

2.1. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, độc đáo

- Luận điểm, lí lẽ tiêu biểu độc đáo là ý đúng, ý sâu, ý mới của người viết khiến người đọc cảm thấy thích thú, tâm đắc.

- Dẫn chứng tiêu biểu là những dẫn chứng điển hình, có tác dụng soi sáng luận điểm hoặc lí lẽ.

- Trong văn bản nghị luận, các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự được sử dụng kết hợp với yếu tố nghị luận để tăng cường tính thuyết phục cho luận đề, luận điểm. Nhờ các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự mà lí lẽ và dẫn chứng (số liệu, sự vật, hiện tượng, sự việc, con người,...) trở nên cụ thể và sinh động, giúp cho văn bản nghị luận vừa giàu chất trí tuệ, vừa gợi hình, gợi cảm.

2.2. Đặc điểm ngôn ngữ văn học

- *Tính thẩm mĩ* là đặc điểm bao trùm, xuyên suốt của ngôn ngữ văn học. Xuất phát từ ngôn ngữ đời thường, lại thêm sự sáng tạo của những nghệ sĩ ngôn từ, ngôn ngữ văn học trở nên đặc sắc hơn và thể hiện rõ giá trị thẩm mĩ. Sự hoà phối giữa âm và nghĩa, sự hài hoà trong cấu trúc của từng câu, đoạn văn, văn bản; sự chính xác và gợi hình, gợi cảm trong việc thể hiện đúng, trúng những biểu hiện của tạo vật, hành vi, thái độ của con người.... đã khiến ngôn ngữ văn học được nâng lên trình độ nghệ thuật. Đặc biệt, ngôn ngữ văn học có khả năng tác động lớn lao vào nhận thức và tình cảm của con người, giúp người đọc phân biệt cái đẹp và cái xấu, cái hùng và cái bị.. Từ đó, hình thành thị hiếu thẩm mĩ lành mạnh.

- *Tính hình tượng* được coi là đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ văn học bởi ngôn ngữ là chất liệu để xây dựng nên các hình tượng nghệ thuật. Nhờ khả năng gợi âm thanh, hình ảnh của ngôn ngữ mà người đọc có thể hình dung một cách cụ thể, sống động về những cảnh tượng tự nhiên, xã hội và con người, qua đó, khám phá tư tưởng của tác giả.

- *Tính đa nghĩa*: Ngôn ngữ văn học rất giàu sắc thái ý nghĩa. Từ ngữ, câu, đoạn văn,... trong tác phẩm văn chương có thể mở ra nhiều lớp nghĩa, tầng nghĩa khác nhau.

- *Tính biểu cảm*: Sáng tác văn học là sự giải toả, giải bày những suy nghĩ, thái độ, tình cảm, cảm xúc của người viết. Vùng tác động chính của văn học là trái tim, đời sống tinh thần, thế giới tâm hồn của con người. Là công cụ để đáp ứng yêu cầu sáng tạo và tiếp nhận, ngôn ngữ văn học không chỉ biểu lộ tâm tư của người viết mà còn gợi sự giao cảm, thấu cảm ở người đọc. Ngôn ngữ văn học giúp tác giả bộc bạch nỗi niềm của mình, đồng thời cũng gợi sự đồng cảm của những người tri âm. Có lúc, ngôn ngữ văn học diễn tả trực tiếp tình cảm, cảm xúc nhưng lại có khi gợi vui, buồn cho người đọc một cách gián tiếp qua những hình tượng mà nó dựng nên.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

1. Dạng đề: Viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống

2. Các bước viết bài văn nghị luận văn học 600 chữ

2.1. Bước 1: Đọc kĩ đề, xác định đúng vấn đề nghị luận

- Dạng đề: viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ/ cảm nhận của anh chị về.....**Vấn đề nghị luận**.....

- Các thao tác nghị luận.

- Phạm vi dẫn chứng

2.2. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Lựa chọn và sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

* **Mở bài:** Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề nghị luận

* **Thân bài:**

- Giải thích: Vấn đề nghị luận đó là gì? (giải thích từ then chốt → rút ra ý cả câu)
- Phân tích: Biểu hiện như thế nào? Ý nghĩa ra sao? Cách thức thực hiện như thế nào?...
- Bàn luận, chứng minh vấn đề nghị luận:
 - + Vấn đề tốt hay xấu, đúng hay sai.
 - + Phản đề: lật ngược lại vấn đề: Phê phán cái xấu, cái ác...

* **Kết bài:** Bài học nhận thức và hành động cho bản thân. Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề nghị luận (kết lại bằng 1 câu thơ, 1 câu châm ngôn, câu nói nổi tiếng)

2.3. **Bước 3: Viết 1 bài văn đúng chính tả, ngữ pháp**

- Lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.
- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.
- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ với bằng chứng.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.
- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.

* **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**

Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở mỗi bước, để:

- Kiểm tra về nội dung và hình thức của các đoạn văn
- Nhận biết các lỗi còn mắc phải và chỉnh sửa.

(Ví dụ một số hiện tượng đời sống: bạo lực học đường, bạo lực ngôn từ, hút thuốc lá điện tử, phong trào tiếp sức mùa thi,...)

B. THỰC HÀNH

ĐỀ

I. PHẦN ĐỌC (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

MÙI RƠM RẠ QUÊ MÌNH...

Ngọc Bích

(1) Tôi sinh ra từ một vùng sâu vùng xa ở bưng biển Đồng Tháp, lớn lên giữa hương đồng cỏ nội. Nơi tôi sống ruộng lúa không hẳn là thẳng cánh cò bay mà đủ ngan ngát mùi rơm rạ sau mỗi mùa gặt.

(2) Đối với những người sinh ra và lớn lên ở thôn quê thì dường như cánh đồng đã trở thành một phần ký ức chẳng thể nào quên, bởi nó gắn liền với tuổi thơ – phần thời gian trong treo nhất của một đời người.

(3) Trong ký ức của tôi, bức tranh đồng quê sống động một cách kỳ lạ. Đó là những sân phơi trải đầy lúa vàng, bụi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa

mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân. Ngày mùa trong tôi còn là những ụ rom, nhánh rạ trơ ra sau vụ gặt. Đâu đâu cũng thấy rom rạ ngút ngàn, vàng những lối đi.

(4) Tôi thương cái mùi rom rạ quê mình. Nó cứ thoang thoảng rồi loang dần, quấn chặt vào sống mũi. Mùi rom rạ là mùi của đồng ruộng, mùi của mồ hôi ba ngày vác cuốc ra đồng, mùi của niềm vui mùa lúa trổ, mùi nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ sau mỗi vụ thất thu.

(5) Nồi cơm mới thơm lừng, không những thơm bởi hạt gạo mà còn vì được đun bằng bếp rom, lửa cháy bùng, cơm sôi ừng ực. Đó là cái mùi cứ phảng phất theo tôi, để rồi những tháng năm sau đó tôi đi khắp mọi miền, đi qua những đồng lúa xanh tím mắt bất chợt nhớ đến mùi thơm ấy, mùi hương của rom rạ và mùi của chén gạo thơm hương lúa mới. Cái mùi ấy ngan ngát trong lồng ngực không dễ quên của biết bao con người lớn lên từ ruộng đồng như tôi.

(6) [...] Tôi lớn lên giữa mùi rom rạ quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi rom rạ mà bật khóc. Chao ôi, cái mùi rạ nồng nồng khó tả.

(7) Mỗi lần về nhà đúng mùa gặt lúa, tôi hít lấy một hơi thật sâu như muốn nuốt hết cái không khí ấy, nhớ về mình còn là đứa trẻ của những tháng năm xưa. Những tháng năm đầu trần ngồi máy kéo ra đồng nghịch rom, những tháng năm còn được nằm trợn trong vòng tay của ba mẹ.

(8) Có sợi rom nào bay theo gió vương qua cành lá non, phảng phất hương vị của mùa mới, mùa của yêu thương, ước vọng và hy vọng. Tôi mang theo những khát khao, những ước mơ của mình gửi vào hương vị đó để thấy ấm áp, góp nhặt yêu thương cho riêng mình.

(9) Những ký ức tuổi thơ gắn liền với mùi rom rạ quê hương bỗng chốc ứa về làm cho con đường đến sân bay trở nên ngắn ngủi. Tôi và anh tài xế công nghệ kia tạm gác lại những ký ức miền Tây thân thương của mình để hoà vào nhịp sống hối hả. Tôi tin là nó chỉ tạm lắng lại trong tâm thức mỗi người rồi đến khi gặp người “rà đúng tần số” hoặc đôi khi chỉ cần nhắc về hai tiếng miền Tây thì những ký ức thân thương ấy lại ào ạt ứa về. Đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được.

(Trích *Nghĩa tình miền Tây*, nhiều tác giả, NXB Hồng Đức, 2022, tr. 41 - 44)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định đề tài của văn bản.

Câu 2. Anh/Chị hãy chỉ ra yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong đoạn (3), (4) của văn bản.

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về nhan đề *Mùi rom rạ quê mình*...?

Câu 4. Nhận xét về tình cảm của tác giả đối với quê hương được thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Anh/Chị có đồng tình với quan điểm của tác giả rằng: những ký ức “chỉ tạm lắng lại trong tâm thức mỗi người” bởi “đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được” không? Vì sao?

Câu 6. Theo anh/chị, ký ức tuổi thơ có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi con người?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về hiện tượng vi phạm an toàn giao thông của học sinh hiện nay.

.....HẾT.....